

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. Đặng Thị Minh Nguyệt* - TS. Trần Thị Việt Thạch**

Trong điều kiện hội nhập, với nhu cầu mở rộng và đa dạng hóa hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) ngày càng trở nên quan trọng trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại (NHTM). Tại nghiên cứu này, bài viết tập trung làm rõ hoạt động đầu tư TPDN và đánh giá thực tiễn nội dung này tại các NHTM Việt Nam. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua các chỉ tiêu tài chính, số liệu được thu thập và xử lý trong giai đoạn 2020 - 2024, từ đó đề xuất các giải pháp đối với để tăng cường và nâng cao hiệu hoạt động đầu tư TPDN của các NHTM Việt Nam hiện nay.

• Từ khóa: trái phiếu doanh nghiệp, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, ngân hàng thương mại.

In the context of economic integration, with the growing need to expand and diversify business activities, corporate bond investment has become increasingly important in the business operations of commercial banks. This study focuses on clarifying the nature of corporate bond investment activities and assessing their current practices among Vietnamese commercial banks. The research employs a qualitative approach using financial indicators, with data collected and analyzed for the period 2020-2024. Based on the findings, the paper proposes solutions aimed at strengthening and improving the effectiveness of corporate bond investment activities in Vietnamese commercial banks today.

• Key words: corporate bond, corporate bond investment, commercial bank.

JEL code: G21

Ngày nhận bài: 19/9/2025

Ngày gửi phản biện: 16/10/2025

Ngày duyệt đăng: 20/11/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i301.18>

1. Giới thiệu

Với đặc thù là một doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ ngân hàng, hoạt động đầu tư là một trong những hoạt động ngày càng được các NHTM quan tâm. Khoản mục đầu tư là một cấu phần quan trọng trong tài sản có của NHTM, hoạt động đầu tư TPDN vừa là hoạt động sinh lời, vừa giúp ngân hàng đa dạng hóa danh mục tài sản từ đó kiểm soát hiệu quả rủi ro tổng thể. Vì vậy trong điều kiện hội nhập, với nhu cầu mở rộng và đa dạng hóa hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư TPDN ngày càng trở nên

quan trọng trong NHTM. Nhìn ở góc độ phát triển thị trường, hoạt động đầu tư TPDN còn hỗ trợ thanh khoản và phát triển ổn định, bền vững của thị trường bởi NHTM vốn là nhà đầu tư lớn, chuyên nghiệp.

Tại Việt Nam, một thời gian dài hoạt động đầu tư TPDN chưa được các NHTM quan tâm do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. Những năm gần đây với sự phát triển của thị trường chứng khoán, đặc biệt là làn sóng phát hành trái phiếu để huy động vốn của các tập đoàn, các doanh nghiệp lớn, thị trường trái phiếu doanh nghiệp trở nên sôi động, trong đó các NHTM là các nhà đầu tư lớn, góp phần quan trọng vào sự sôi động của thị trường với số vốn đầu tư ngày càng tăng. Từ đầu năm 2022, thị trường TPDN Việt Nam có những dấu hiệu bất ổn, các doanh nghiệp phát hành gặp khó khăn, số trái phiếu chậm trả tăng nhanh vì vậy hoạt động đầu tư trái phiếu đối mặt với nhiều rủi ro, đối diện với nguy cơ tổn thất cao.

Bài viết làm rõ cơ sở lý thuyết về đầu tư trái phiếu, tổng quan nghiên cứu về hoạt động đầu tư TPDN; đánh giá thực tiễn hoạt động đầu tư TPDN ở các NHTM Việt Nam giai đoạn 2021-2024; và một số thảo luận, trao đổi nhằm xuất giải pháp để thúc hoạt động đầu tư TPDN tại các NHTM Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu

* Nghiên cứu nước ngoài

Nghiên cứu “Bond Market Development and Bank Risk-Taking: Evidence from Developing Markets” của nhóm tác giả Shu Tian, Donghyun Park, Marie Anne Cagas (2021) đã đưa ra bằng chứng thực nghiệm với mẫu quan sát 432 ngân hàng tại 26 thị trường đang phát triển trong giai đoạn 2006-2016, cho thấy khi thị trường chứng khoán phát triển ổn định, các NHTM có thể cải thiện rủi ro thông qua tái cơ cấu

* Trường Đại học Thương Mại; email: nguyetminh@tmu.edu.vn

** Học viện Tài chính; email: tranvietthach@gmail.com

tài sản có từ các công cụ không có tính thanh khoản sang các công cụ thanh khoản trên thị trường chứng khoán, trong đó bao gồm TPDN. John Hawkins với: “Bond markets and banks in emerging economies” chỉ ra vai trò của NHTM ở các góc độ là người đầu tư trái phiếu, người phát hành trái phiếu, và người bảo lãnh phát hành trái phiếu trên một số thị trường mới nổi và khẳng định sức khỏe các NHTM có tác động mạnh mẽ đến sự lành mạnh của thị trường trái phiếu. Nghiên cứu của Satoshi Shimizu về: “Development of Asian Bond Markets and Challenges: Keys to Market Expansion” của, tác giả đã đánh giá thực trạng thị trường trái phiếu 8 quốc gia (Hàn Quốc, Malaysia, Trung Quốc, Thái Lan, Ấn Độ, Philippines, Indonesia và Việt Nam) giai đoạn 2000-2016, chỉ ra các cơ hội, thách thức để phát triển thị trường trái phiếu và đề xuất các giải pháp để phát triển thị trường trái phiếu các nước Assian, bao gồm thị trường trái phiếu Chính phủ và TPDN. Hoặc nghiên cứu “Do Corporate Bond Shocks Affect Commercial Bank Lending?” của tác giả Mario Catalán and Alexander W. Hoffmaister (2023) làm rõ mối quan hệ giữa cú sốc thị trường trái phiếu đến hoạt động cho vay của NHTM. Từ đó khuyến nghị kiểm chế sự căng thẳng của thị trường trái phiếu có thể làm giảm rủi ro hệ thống và sự lan truyền rủi ro cho các NHTM.

Như vậy một số công trình đã khai thác các khía cạnh khác nhau hoạt động của NHTM trên thị trường TPDN. Các bài viết đã làm rõ vai trò của ngân hàng với sự phát triển của thị trường trái phiếu, đặc biệt là vai trò của một nhà đầu tư chuyên nghiệp trên thị trường trái phiếu.

* Công trình trong nước

Những năm gần đây, thị trường TPDN trong nước phát triển khá mạnh, vấn đề liên quan đến thị trường TPDN nói chung và hoạt động đầu tư của NHTM trên thị trường TPDN nói riêng đang được nhiều người quan tâm và nghiên cứu.

Nghiên cứu “Quản lý hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của NHTM: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam” của tác giả Nguyễn Văn Tiến đã tổng hợp kinh nghiệm quốc tế về quản lý hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của các NHTM tại các quốc gia bao gồm: Hoa Kỳ, Vương Quốc Anh và Trung Quốc. Từ đó, rút ra bài học kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư TPDN của NHTM. Nghiên cứu của tác giả Đinh Thị Phương Anh và cộng sự (2024) về “Thực trạng hoạt động đầu tư trái phiếu của các NHTM Việt Nam” đã khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động đầu tư trái phiếu của 04 NHTM điển hình ở Việt Nam trong giai đoạn 2015-

2023. Ngoài ra, tác giả Nguyễn Hương Anh với “Giải pháp phát triển thị trường TPDN” đã làm rõ thực trạng thị trường TPDN và khẳng định tại Việt Nam, các NHTM đóng vai trò quan trọng. Nghiên cứu của Đoàn Quỳnh Phương với đề tài “Phát triển thị trường TPDN tại Việt Nam” đã làm rõ cơ sở lý luận về sự hình thành và phát triển thị trường TPDN, chỉ ra các yếu kém của thị trường TPDN Việt Nam giai đoạn 2004-2020, đề xuất các giải pháp để phát triển thị trường TPDN trong những năm tới.

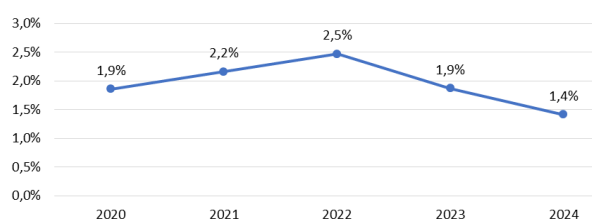
Ngoài ra một số công trình khác đề cập ở các khía cạnh khác nhau về hoạt động của NHTM trên thị trường TPDN. Về cơ bản các bài viết đã làm rõ được những vấn đề như: đặc điểm, bản chất và các hoạt động NHTM trên thị trường TPDN, đánh giá hoạt động đầu tư TPDN của NHTM Việt Nam. Tuy nhiên vẫn còn những khoảng trống trong các nghiên cứu liên quan như chưa có công trình xây dựng khung lý thuyết đầy đủ, toàn diện và có hệ thống về hoạt động đầu tư TPDN hoặc chưa có đánh giá đầy đủ hoạt động đầu tư TPDN; đặc biệt là chưa có công trình nào đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư TPDN của NHTM Việt Nam đến năm 2030.

3. Thực trạng hoạt động đầu tư trái phiếu ở Việt Nam hiện nay

Quy mô dư nợ toàn thị trường

So dư nợ trái phiếu với tài sản có sinh lời của các NHTM cho thấy, tỷ lệ đầu tư TPDN còn rất thấp. 2 năm cao nhất là 2021 và 2022 cũng chỉ đạt 2,16% và 2,47% tổng tài sản có sinh lời, những năm khác trong giai đoạn 2020-2024 tỷ lệ dư nợ TPDN chỉ dưới 2% tổng tài sản có sinh lời.

Biểu đồ 3.1: Tỷ trọng dư nợ đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của NHTM



Báo cáo Hiệp hội thị trường trái phiếu 2020-2024

Theo báo cáo mới nhất của Hiệp hội Thị trường trái phiếu Việt Nam, năm 2023 và 2024 nhiều NHTM đã rút hoàn toàn khỏi thị trường TPDN (ABBank, Eximbank, PGBank, LienVietPostBank, Bản Việt Bank). Các NHTM có tỷ trọng đầu tư TPDN dẫn đầu gồm: MBB, VPB, TPB, TCB và SHB. Ngoài ra 3 NHTMCP có vốn nhà nước mặc dù tỷ trọng dư nợ thấp song quy mô dư nợ TPDN còn cao so với toàn

hệ thống. Vì vậy để đánh giá rõ hơn tình hình đầu tư TPDN, nhóm tác giả khai thác dữ liệu báo cáo tài chính của 8 NHTM: MBB, TCB,TPB, SHB, VPB, VCB, CTG và BIDV.

Qui mô dư nợ TPDN của 8 NHTMCP

Giai đoạn 2020-2024 qui mô đầu tư TPDN các ngân hàng có nhiều biến động, năm 2020 VCB đang dẫn đầu với dư nợ đạt 89.677 tỷ đồng, đứng thứ 2 là TCB với 69.196 tỷ đồng. SHB thấp nhất, đạt 12.629 tỷ đồng. Các ngân hàng còn lại dư nợ trái phiếu khoảng trên 40 nghìn đến 50 nghìn tỷ đồng. Giai đoạn 2020-2021 cùng với sự biến động của thị trường TPDN, qui mô đầu tư của các NHTM cũng có những thay đổi: một số ngân hàng tăng nhanh qui mô đầu tư như BIDV, MBB, CTG, TPB một số ngân hàng giảm nhanh như VPB, VCB, TCB, SHB qui mô đầu tư chỉ tăng nhẹ.

Bảng 3.1: Dư nợ trái phiếu doanh nghiệp của 8 NHTMCP (Tỷ đồng)

Ngân hàng	2020	2021	2022	2023	2024
VCB	89.677	99.919	94.387	63.382	79.893
CTG	54.389	94.903	98.770	101.507	130.656
BIDV	42.844	67.550	122.058	95.233	155.839
MBB	46.854	89.389	110.477	125.387	136.190
TCB	69.196	79.106	54.966	41.126	47.389
TPB	21.233	35.556	42.814	46.728	43.665
SHB	12.629	75.47	14.336	17.754	15.795
VPB	42.374	45.451	53.674	26.673	10.318

Nguồn: Báo cáo tài chính các NHTM liên quan giai đoạn 2020-2024

Nợ xấu đầu tư TPDN

Bảng 3.2: Tỷ lệ nợ xấu của 8 NHTMCP (Tỷ VND/%)

Ngân hàng/Tỷ lệ nợ xấu	2020	2021	2022	2023	2024
VCB	Nợ xấu	0	0	0	179
	Tổng dư nợ TPDN	89.677	99.919	94.387	63.382
	Tỷ lệ nợ xấu (%)	0	0	0	0,28
CTG	Nợ xấu	0	0	0,03	427
	Tổng dư nợ TPDN	54.389	94.903	98.770	101.507
	Tỷ lệ nợ xấu (%)	0	0	0	0,42
BIDV	Nợ xấu	499	0	0	987
	Tổng dư nợ TPDN	42.844	67.550	122.058	95.233
	Tỷ lệ nợ xấu (%)	1,16	0	0	1,04
MBB	Nợ xấu	50	50	0	0
	Tổng dư nợ TPDN	46.854	89.389	110.477	125.387
	Tỷ lệ nợ xấu (%)	0,11	0,06	0	0
TCB	Nợ xấu	0	200	0	80,2
	Tổng dư nợ TPDN	69.196	79.106	54.966	41.126
	Tỷ lệ nợ xấu (%)	0	0,25	0	0,19
TPB	Nợ xấu	0	60	0	45
	Tổng dư nợ TPDN	21.233	35.556	42.814	46.728
	Tỷ lệ nợ xấu (%)	0	0,17	0	0,10
SHB	Nợ xấu	817	0	0	527
	Tổng dư nợ TPDN	12.629	75.47	14.336	17.754
	Tỷ lệ nợ xấu (%)	6,47	0	0	2,97
VPB	Nợ xấu	0	0	0	3380
	Tổng dư nợ TPDN	42.374	45.451	53.674	26.673
	Tỷ lệ nợ xấu (%)	0	0	0	12,67

Nguồn: Báo cáo tài chính các NHTM liên quan giai đoạn 2020-2024

Xét tỷ lệ nợ xấu, hiện nay 8 ngân hàng được khảo sát có sự phân hóa về lệ nợ xấu. Có 2 NHTM có tỷ lệ nợ xấu trên 3% là VPB (7,33%) và SHB (3,34%),

còn 6 ngân hàng còn ại có tỷ lệ nợ xấu khá thấp (dưới 1%). Đặc biệt VPB có qui mô đầu tư giảm mạnh qua thời gian, những năm 202-2023 không phát sinh nợ xấu, 2023- 2024 phát sinh nhiều nợ TPDN xấu, với năm 2023 tỷ lệ nợ xấu lên đến trên 12%, năm 2024 giảm xuống 7,33%.

Thu nhập từ đầu tư TPDN

Bảng 3.3: Thu nhập từ đầu tư TPDN của 8 NHTMCP (Tỷ VND/ %)

Ngân hàng/ Thu nhập từ đầu tư TPDN	2020	2021	2022	2023	2024
VCB	Tổng thu nhập	9.279	7.941	7.279	7.242
	Dư nợ TPDN bình quân	85.720	94.798	97.153	78.884,5
	Tỷ lệ sinh lời (%)	10,8	8,4	7,5	9,2
CTG	Tổng thu nhập	7.123	8.470	8.512	10.706,5
	Dư nợ TPDN bình quân	54.350	74.646	96.836,5	100.138,5
	Tỷ lệ sinh lời (%)	13,1	11,3	8,8	10,7
BID	Tổng thu nhập	6.539	6.716	7.736	11.602
	Dư nợ TPDN bình quân	42.350	55.197	94.804	108.645,5
	Tỷ lệ sinh lời (%)	15,4	12,2	8,2	10,7
MBB	Tổng thu nhập	5.481	8.843	11.857	12.523
	Dư nợ TPDN bình quân	42.350	68.121,5	99.933	117.932
	Tỷ lệ sinh lời (%)	12,9	12,9	11,8	10,6
TCB	Tổng thu nhập	7.123	7.579	7.103	6.309
	Dư nợ TPDN bình quân	54.350	74.151	67.036	48.046
	Tỷ lệ sinh lời (%)	13,1	10,2	10,6	13,1
TPB	Tổng thu nhập	3.302	4.366	4.505	5.201
	Dư nợ TPDN bình quân	21.500	28.394,5	39.185	44.771
	Tỷ lệ sinh lời (%)	15,3	15,3	11,4	11,6
SHB	Tổng thu nhập	1.681	1.669	1.880	1.834,3
	Dư nợ TPDN bình quân	12.500	10.088	10.941,5	16.045
	Tỷ lệ sinh lời (%)	13,4	16,5	17,1	11,4
VPB	Tổng thu nhập	--	7.762	5.919	2.793
	Dư nợ TPDN bình quân	--	43.912,5	49.562,5	40.173,5
	Tỷ lệ sinh lời (%)	--	17,6	11,9	6,9

Nguồn: Báo cáo tài chính các NHTM liên quan giai đoạn 2020-2024

Số liệu trên cho thấy, nhìn chung TPDN có mức sinh lời khá cao, bình quân lãi suất trái phiếu doanh nghiệp giao động từ 9% đến trên 10%, thậm chí có những trái phiếu có tỷ lệ lãi suất lên đến 13%, 14%. Tuy nhiên khảo sát từ 8 ngân hàng, có những năm mức sinh lời cao trên 10%, thậm chí lên đến trên 17%, nhưng cũng có những năm chỉ đạt 6, 9% (VPB, 2023) hoặc 7,5% (VCB, 2022). Từ số liệu cho thấy, các ngân hàng có mức sinh lời cao giai đoạn 2020-2022, thường do đầu tư trái phiếu có lãi suất cao, giai đoạn 2023-2024 mức sinh lời giảm mạnh, nợ xấu tăng cao.

4. Kết luận và một số khuyến nghị thúc đẩy hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của ngân hàng thương mại tại Việt Nam

So với các giai đoạn trước đó, giai đoạn 2020-2024 các NHTM đã quan tâm hơn trong đầu tư TPDN, góp phần đa dạng hóa tài sản có sinh lời cũng như tăng hiệu suất hoạt động của thị trường TPDN; danh mục TPDN đầu tư tương đối đa dạng; các khoản nợ xấu, nợ có vấn đề trong đầu tư trái phiếu của hầu hết các NHTM khá thấp; các khoản đầu tư TPDN đang mang lại thu nhập khá tốt cho các NHTM. Tuy nhiên, hoạt

động này vẫn còn một số tồn tại như: tỷ trọng dư nợ TPDN tại các ngân hàng còn rất thấp; hầu hết các ngân hàng đầu tư TPDN đang tập trung vào mục tiêu hỗ trợ thanh khoản, chưa tập trung vào mục tiêu sinh lời nên danh mục TPDN chưa đa dạng; các ngân hàng đầu tư TPDN còn manh mún, qui mô không ổn định.

Sau đây là một vài kiến nghị được đưa ra từ kết quả nghiên cứu:

Một là: Xây dựng chiến lược đầu tư trái phiếu dài hạn phù hợp với mục tiêu kinh doanh đặc thù của mỗi ngân hàng.

Đầu tư TPDN là hoạt động tiềm ẩn nhiều rủi ro. Với đặc tính là công cụ tài chính có tính thanh khoản và sinh lời, các NHTM khi thực hiện đầu tư TPDN cần xây dựng chiến lược dài hạn để đạt mục tiêu kinh doanh và phù hợp với mục tiêu phát triển chung của ngân hàng trong từng thời kỳ. Khi xây dựng chiến lược đầu tư TPDN cần làm rõ các vấn đề chính như: (1) Mục tiêu ưu tiên: khi đầu tư TPDN ngân hàng có thể hướng tới 3 mục tiêu chính: thanh khoản, sinh lời và kiểm soát rủi ro. Tuy nhiên, 3 mục tiêu này không thể thực hiện đồng thời. Nếu ngân hàng theo đuổi mục tiêu sinh lời có thể đối mặt với gia tăng rủi ro, giảm khả năng thanh khoản và ngược lại. (2) Ngoài xác định mục tiêu đầu tư cần ưu tiên, các ngân hàng cần xác định rõ lĩnh vực ưu tiên đầu tư. Việc xác định lĩnh vực phải dựa trên mục tiêu đã xác định, các ngân hàng ưu tiên mục tiêu thanh khoản chọn lĩnh vực an toàn, thanh khoản tốt.

Hai là: Hoàn thiện chính sách đầu tư TPDN

Trên cơ sở xác định chiến lược đầu tư TPDN, xác định các mục tiêu đầu tư trong từng giai đoạn cụ thể, các NHTM phải đảm bảo các chính sách đầu tư được ban hành phù hợp với mục tiêu đã xác định. Để các chính sách phù hợp, là nền tảng để triển khai hoạt động đầu tư thống nhất trong toàn hệ thống, các ngân hàng tập trung các vấn đề như: Hoàn thiện tổ chức bộ máy hoạt động đầu tư TPDN trong toàn hệ thống. Đảm bảo lập về chức năng của bộ phận nghiên cứu, lên phương án đầu tư, bộ phận phê duyệt và bộ phận thanh toán nhằm kiểm soát rủi ro, sai phạm gian lận trong hoạt động đầu tư TPDN. Thực hiện tổ chức bộ máy quản lý hoạt động đầu tư TPDN theo chiều dọc do Trụ sở chính quản lý và điều hành tập trung, các cấp cơ sở có trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo kết quả đầu tư TPDN định kỳ cho cấp trên. Trên cơ sở khẩu vị rủi ro tín dụng được xác định trong từng thời kỳ, các NHTM cần hoàn thiện các hệ thống giới hạn trong hoạt động đầu tư TPDN, giới hạn các cơ cấu trong danh mục đầu tư TPDN, giới hạn về quyền,

trách nhiệm các cá nhân/bộ phận có liên quan đến hoạt động đầu tư TPDN.

Ba là: Mở rộng qui mô đầu tư TPDN

Nhìn chung hiện nay qui mô đầu tư TPDN của các NHTM còn khá thấp, hoạt động sinh lời vẫn phụ thuộc vào hoạt động cấp tín dụng truyền thống. Các NHTM nên mở rộng qui mô đầu tư TPDN để giảm phụ thuộc vào hoạt động cấp tín dụng, giảm áp lực dự trữ tiền mặt. Ở góc độ quản lý vĩ mô, NHTM mở rộng đầu tư TPDN góp phần quan trọng vào cải thiện tính thanh khoản và tính chuyên nghiệp cho thị trường TPDN. Trong điều kiện thị trường còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn, đặc biệt TPDN chậm trả còn nhiều, chưa xử lý dứt điểm như hiện nay, các NHTM mở rộng đầu tư cần cân nhắc những vấn đề sau: Xác định rõ mục tiêu ưu tiên trong chiến lược để theo đuổi mục tiêu đó khi mở rộng đầu tư.

Bốn là: Tăng cường kiểm soát nội bộ hoạt động đầu tư TPDN

Kiểm soát nội bộ tại các NHTM ngày càng khẳng định vị trí quan trọng trong đảm bảo tuân thủ, kiểm soát rủi ro, đặc biệt là rủi ro hoạt động của các NHTM. Về bản chất, đầu tư TPDN cũng là hoạt động cấp tín dụng, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Vì vậy, để hoạt động đầu tư TPDN hiệu quả, cần củng cố hệ thống kiểm soát nội bộ, cụ thể: (i) Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động đầu tư đủ về số lượng và chất lượng. Về số lượng phải đảm bảo có thể kiểm soát đầy đủ các chức năng trong bộ máy đầu tư TPDN ở tất cả các đơn vị trong toàn hệ thống; (ii) Hoàn thiện về qui trình, thủ tục kiểm soát hoạt động đầu tư TPDN. Để hoạt động kiểm soát hiệu quả, các ngân hàng trên cơ sở đặc thù về tổ chức bộ máy, hạ tầng công nghệ nên kết hợp nhiều kênh kiểm soát (kiểm tra trực tiếp, theo dõi trực tuyến, phát triển các kênh tiếp nhận thông tin đa chiều...); (iii) Hoàn thiện chế độ báo cáo, giải trình các bộ phận liên quan. Các NHTM nên hoàn thiện các chế độ báo cáo, cung cấp thông tin và giải trình của các bộ phận liên quan để hỗ trợ và nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ. Đối với danh mục TPDN đã đầu tư, ngân hàng cần kiểm soát rủi ro cả ở cấp độ từng loại TPDN và cấp độ danh mục đầu tư.

Tài liệu tham khảo:

- Đinh Thị Phương Anh và cộng sự (2024), *Thực trạng hoạt động đầu tư trái phiếu của các ngân hàng thương mại Việt Nam*.
 Nguyễn Hương Anh (2020), *Giải pháp phát triển thị trường TPDN*.
 Nguyễn Quốc Anh (2021), "An toàn tài chính của các Ngân hàng thương mại có phần niêm yết ở Việt Nam", *Luận án tiến sĩ kinh tế*.
 Đoàn Quỳnh Phương (2021), *Phát triển TTPDN tại Việt Nam*.
 Nguyễn Văn Tiến, và cộng sự (2025), *Quản lý hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của ngân hàng thương mại: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam*.
 Shu Tian, Donghyun Park, Marie Anne Cagas (2021), *Bond Market Development and Bank Risk-Taking: Evidence from Developing Markets*.
 John Hawkins (2021), *Bond markets and banks in emerging economies*.
 Satoshi Shimizu (2018), *Development of Asian Bond Markets and Challenges: Keys to Market Expansion*.